

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

Trần Thị Thương*, Phan Lê Trang, Nguyễn Thị Hải Bình

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: tranthithuong@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 15.03.2023

Ngày chấp nhận đăng: 20.11.2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mô tả thực trạng sử dụng hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm phương pháp thống kê mô tả và thang đo Likert. Kết quả nghiên cứu cho thấy 86,3% các doanh nghiệp được khảo sát đã áp dụng hóa đơn điện tử. Nguyên nhân chính là do quy định bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử từ Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, một số lỗi đã phát sinh như: (1) Lỗi khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và (2) Lỗi khi xuất hóa đơn điện tử, cấp mã của cơ quan thuế. Do vậy, để tăng hiệu quả sử dụng hóa đơn điện tử, một số khuyến nghị cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và Cục Thuế tỉnh Hải Dương nhằm thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử hiệu quả tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Từ khóa: Hóa đơn điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hải Dương.

Current Situation of E-Invoicing in Small and Medium-sized Enterprises: Case Study in Hai Duong Province

ABSTRACT

This study described the current e-invoice use of small and medium-sized enterprises in Hai Duong province. Research methods include descriptive statistics and the Likert scale. Research results show that 86.3% of small and medium-sized enterprises surveyed have applied e-invoicing. The core reason was the compulsory application of E-Invoice from the Ministry of Finance. However, in using E-Invoice, some errors have arisen such as (1) Error when registering to use E-Invoice and (2) Error when issuing e-invoice, issuing agency code tax. Therefore, to increase the efficiency of using e-invoices, some recommendations were proposed for small and medium-sized enterprises, organizations providing e-invoice services, and the Hai Duong Provincial Tax Department to promote the use of e-invoices.

Keywords: E-invoice, small and medium-sized enterprises, Hai Duong province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các doanh nghiệp (DN) của nước ta đã thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của mình. Đồng quan điểm, Trần Thị Lan Hương & Trần Thùy Dung (2021) đề cập trong giai đoạn 2020-2021 việc sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT)

đang được các DN triển khai áp dụng nhằm tiết kiệm chi phí, giảm hao phí lao động trong việc lập, hạch toán, đối chiếu dữ liệu, nhận, gửi hóa đơn và đặc biệt giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến bảo quản lưu trữ hóa đơn. Ngoài ra, thực tế sử dụng hóa đơn giấy đã chỉ ra sự tốn kém chi phí cho DN từ khâu lập, nhận hóa đơn đến khâu bảo quản, lưu trữ hóa đơn và dễ xảy ra hành vi trốn thuế, lậu thuế. Do đó, triển khai áp dụng HĐĐT tại các đơn vị kinh tế nói chung là việc

rất cần thiết nhằm tiết kiệm chi phí cho toàn xã hội và giúp nâng cao tính minh bạch của hệ thống thông tin tài chính (Lê Hà Trang, 2021).

Để thúc đẩy áp dụng HĐĐT trên phạm vi toàn quốc, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến sử dụng HĐĐT như Nghị định số 119/2020/NĐ-CP năm 2020 yêu cầu thời gian bắt buộc áp dụng HĐĐT từ ngày 01/11/2020; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP năm 2020 điều chỉnh thời gian áp dụng bắt buộc HĐĐT từ ngày 01/07/2022; Thông tư 78/2021/TT-BTC Hướng dẫn chi tiết thực hiện nội dung tại Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019 và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Đồng thời, tại Luật Quản lý thuế và Chương trình chuyển đổi số quốc gia Việt Nam đến năm 2030, ngày 21/11/2021, Bộ Tài chính đã đưa ra chiến lược áp dụng HĐĐT giai đoạn 1 tại 6 tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Phú Thọ, Quảng Ninh và Bình Định. Tiếp theo đó từ tháng 4/2022 sẽ tiếp tục triển khai tại 57 tỉnh thành phố còn lại. Tuy nhiên, Nghị định 123/2020/NĐ-CP có quy định trước ngày 1/7/2022, áp dụng HĐĐT chỉ bắt buộc đối với các cơ sở kinh doanh mà cơ quan thuế gửi thông báo chuyển đổi sử dụng HĐĐT và đáp ứng được điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin. Từ ngày 1/7/2022 trở đi bắt buộc áp dụng HĐĐT đối với tất cả các cơ sở kinh doanh trừ một số trường hợp như DNNVV, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn không thể thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử...

Như vậy, việc áp dụng HĐĐT tại tỉnh Hải Dương được bắt buộc thực hiện trong giai đoạn thứ 2 của lộ trình (tức từ tháng 4/2022). Căn cứ vào các quy định của Bộ Tài chính liên quan đến việc triển khai áp dụng HĐĐT tại các cơ sở kinh doanh trên cả nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thường trực triển khai áp dụng HĐĐT trên địa bàn tỉnh. Sau đó, Ban chỉ đạo đã ban hành tiếp Quyết định số 775/QĐ-BCĐ ngày 08/04/2022 về việc phân công nhiệm vụ cho

thành viên Ban chỉ đạo, Tổ thường trực triển khai áp dụng HĐĐT trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đây là một trong những dấu hiệu tích cực từ phía chính quyền tỉnh Hải Dương trong việc triển khai sử dụng HĐĐT tại các cơ sở kinh doanh nói chung và các DNNVV nói riêng trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, việc chuyển sang áp dụng HĐĐT tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh đã và đang được thực hiện theo đúng lộ trình của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các DNNVV trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều lỗi trong khi lập, sử dụng loại chứng từ kế toán này. Tính thời điểm nghiên cứu, chưa có công trình nào tìm hiểu về tình hình áp dụng HĐĐT tại các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đó là lý do để nghiên cứu này được thực hiện, với mục đích phân tích thực trạng động cơ sử dụng HĐĐT, thực trạng các lỗi gặp phải trong quá trình áp dụng HĐĐT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc sử dụng HĐĐT tại các DN này trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tiếp cận và thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu tiếp cận từ phía DNNVV và dựa trên kết quả của một số nghiên cứu trước đây như Catherine (2012), Lê Hà Trang (2021), Phạm Thị Thu Huyền (2022), Trần Thị Lan Hương & Trần Thùy Dung (2021). Các nghiên cứu này đã chỉ ra việc sử dụng HĐĐT đem lại nhiều lợi ích cho DN gồm: (i) giảm đáng kể các loại chi phí liên quan đến hóa đơn như chi phí khởi tạo, phát hành; chi phí in, photo; dịch vụ gửi hóa đơn cho khách hàng; lưu trữ phục vụ cho việc thanh tra, kiểm tra thuế; (ii) tiết kiệm thời gian; (iii) giảm chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính thuế. Đồng thời, các tác giả này cũng chỉ ra những lỗi khi DN sử dụng HĐĐT như: lỗi trong quá trình đăng ký sử dụng HĐĐT (Chọn sai hình thức HĐĐT có mã hay không có mã của cơ quan thuế, DN không biết tra cứu HĐĐT trên cổng thông tin của Tổng cục Thuế sau khi cơ quan thuế gửi email thông báo tài khoản sử dụng...); lỗi trong quá trình xuất

HĐĐT, cấp mã của cơ quan thuế. Tuy nhiên, những nghiên cứu trước mới chỉ dừng lại ở việc liệt kê những lợi ích và các lỗi gặp phải trong quá trình áp dụng HĐĐT đối với các DN nói chung. Để tìm hiểu sâu hơn về thực trạng sử dụng HĐĐT của các DNNVV tại tỉnh Hải Dương, nghiên cứu đã kế thừa những tiêu chí trên và áp dụng Thang đo Likert 5 mức độ để phân tích tần suất xảy ra các lỗi này.

2.2. Thu thập dữ liệu

2.2.1. Chọn mẫu nghiên cứu

Ngoài các dữ liệu thứ cấp từ các văn bản pháp luật: Luật Kế toán năm 2015, Nghị định số 119/2020/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Thông tư 78/2021/TT-BTC... có liên quan đến HĐĐT và Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định tiêu chí xác định DNNVV, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp từ việc phỏng vấn các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư, đến ngày 31/12/2021, toàn tỉnh có hơn 15.400 DN. Trong đó, có 62,3% là DN siêu nhỏ; 36,16% là DNNVV; 1,54% là DN quy mô lớn (Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, 2021). Như vậy, số lượng DN có quy mô nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh khoảng 5.568 DNNVV.

Căn cứ theo công thức chọn mẫu của Slovin (Francisco & Nestor, 2004):

$$n = N / \{1 + N(e^2)\}$$

Trong đó:

n: là số mẫu được chọn;

N: Tổng mẫu;

e: Sai số.

Trong quá trình thu thập dữ liệu, chỉ số sai số cho phép xác định là 10%. Áp dụng theo công thức chọn mẫu của Slovin có:

$$N = 5.568 / \{1 + 5.568 \times (0,1)^2\} = 100 \text{ DNNVV}$$

Như vậy, 100 DN là mẫu điều tra tối thiểu. Tuy nhiên, để nâng cao tính đại diện của mẫu và để đảm bảo chất lượng của kết quả điều tra, trên thực tế nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 250 DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương. DNNVV theo quy định tại Điều 5 “Tiêu chí xác

định DNNVV” của Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Trong mỗi DN tiến hành phỏng vấn kế toán phụ trách phát hành HĐĐT như kế toán trưởng, kế toán bán hàng, kế toán thanh toán... Các DNNVV khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên dựa trên các mối quan hệ của nhóm nghiên cứu, không phân biệt loại hình và lĩnh vực ngành nghề, theo hình thức trực tuyến trong thời gian từ tháng 4-5/2022 trên bảng hỏi thống nhất chung. Kết quả khảo sát thu được 233 mẫu hợp lệ (phản hồi và có thông tin ý nghĩa) và phù hợp với quy tắc xác định số mẫu quan sát của Slovin (Francisco & Nestor, 2004). Các thông tin sơ cấp được thu thập tại DNNVV thông qua bảng hỏi gồm (i) Đặc điểm chung; (ii) Thực trạng áp dụng HĐĐT; (iii) Lợi ích khi sử dụng HĐĐT; (iv) Các lỗi gặp phải trong quá trình sử dụng HĐĐT. Sau khi thu thập, số liệu sẽ được làm sạch (theo quy định) trước khi dùng để phân tích sâu các nội dung liên quan đến việc áp dụng HĐĐT. Trong 233 DNNVV được phỏng vấn có 201 DNNVV đã áp dụng HĐĐT và 32 DNNVV chưa áp dụng HĐĐT.

2.2.2. Thang đo nghiên cứu

Nội dung khảo sát tập trung vào việc phản ánh thực trạng sử dụng HĐĐT tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Nghiên cứu này sử dụng thang đo Likert 5 mức độ điểm (Jamieson, 2013) (1. Không xảy ra; 2. Thỉnh thoảng; 3. Trung bình; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên) để đo lường tần suất xảy ra lỗi khi sử dụng HĐĐT theo quy định của Thông tư 78/2021/TT-BTC. Các lỗi được khảo sát gồm: Lỗi khi đăng ký sử dụng HĐĐT theo Thông tư 78/2021/TT-BTC; Lỗi khi xuất HĐĐT, cấp mã của cơ quan thuế. Số liệu thu thập được xử lý thông qua phần mềm STATA 16.

2.3. Phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập, thực hiện thông qua biểu diễn số liệu dưới dạng đồ thị, bảng thống kê tóm tắt.

Kiểm định Cronbach's Alpha kết hợp Thang đo Likert: Đối với các dữ liệu thu thập từ câu hỏi định tính (sử dụng bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ), nghiên cứu sử dụng kiểm định

Cronbach's Alpha trên phần mềm STATA 16 để đo lường mức độ tin cậy của thang đo. Kiểm định thang đo với hệ số tương quan Cronbach Alpha để loại các biến không phù hợp trong từng nhóm trước. Các biến có hệ số tương quan Cronbach Alpha giữa các biến có giá trị nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại (Nunnally & Bernstein, 1994). Sau đó, các biến tiếp tục được lựa chọn khi hệ số tin cậy Cronbach Alpha có trị số từ 0,6 trở lên (Hair & cs., 2006) để tính giá trị trung bình trong Thang đo Likert. Ý nghĩa của giá trị trung bình của thang đo Likert trong trường hợp này được tính như sau:

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị tối thiểu})/n = (5 - 1)/5 = 0,8$$

Trong trường hợp này ý nghĩa của 5 mức độ trong thang đo Likert là “1,00-1,80: Không xảy ra; 1,81-2,60: Thỉnh thoảng; 2,61-3,40: Trung bình; 3,41-4,20: Thường xuyên; 4,21-5,00: Rất thường xuyên”.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Theo kết quả điều tra 52,4% DN trong mẫu điều tra là các DN có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng và 60,1% các DN có số lượng lao động dưới 50 người (Hình 1).

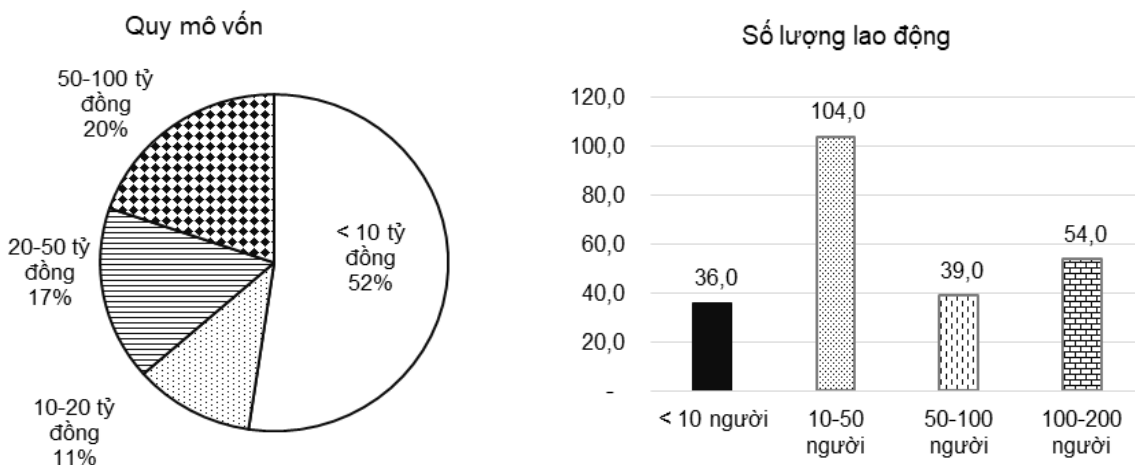
Ngoài ra, trong mẫu khảo sát có 88/233 DN

hoạt động trong lĩnh vực thương mại, 60 DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và 85 DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và kết hợp. Phân loại theo hình thức đăng ký kinh doanh thì có 92,3% Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty cổ phần, và chỉ có 7,7% là DN tư nhân (Hình 2). Đặc biệt, phần lớn những người được phỏng vấn (70,4%) đều là kế toán viên hoặc kế toán trưởng có thời gian làm việc trong lĩnh vực kế toán từ 4-10 năm; 29,6% kế toán được phỏng vấn có kinh nghiệm làm việc từ 1-3 năm.

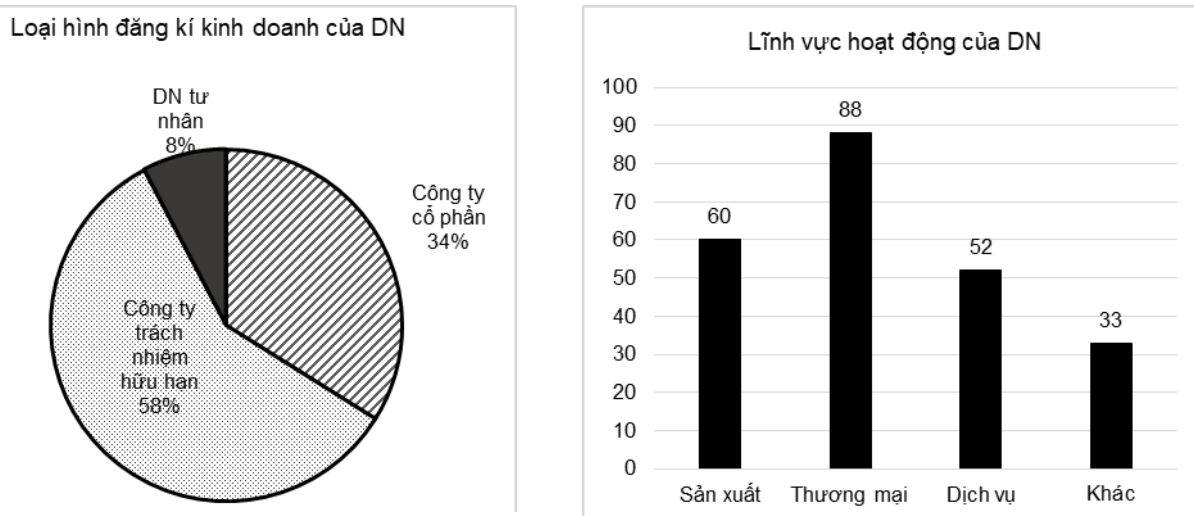
3.2. Thực trạng sử dụng hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương

3.2.1. Động cơ sử dụng hóa đơn điện tử

Theo kết quả điều tra tính đến cuối tháng 5/2022, có 201/233 DN (chiếm 86,3%) hiện đang áp dụng HĐĐT theo quy định của Thông tư 78/2021/TT-BTC (Bảng 1). Trong đó, có 166 DN mới áp dụng HĐĐT trong năm 2022 và đặc biệt có 35 DN đã bắt đầu áp dụng HĐĐT trong năm 2021. Phần lớn DNNVV trong mẫu điều tra (chiếm khoảng 88,1%) sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh. Điều này cho thấy mức độ triển khai nhanh chóng trong việc áp dụng HĐĐT tại các DNNVV theo nội dung hướng dẫn tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 78/2021/TT-BTC trên địa bàn tỉnh Hải Dương.



Hình 1. Quy mô vốn và số lượng lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong mẫu điều tra (năm 2022)



Hình 2. Loại hình đăng kí kinh doanh và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp trong mẫu điều tra (năm 2022)

Bảng 1. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư 78/2021/TT-BTC trên địa bàn tỉnh Hải Dương (năm 2022)

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Số lượng DN áp dụng HĐĐT theo TT78/2021/TT-BTC	201	86,3% ^a
Số lượng DN áp dụng HĐĐT từ năm 2021	35	17,4% ^b
Số lượng DN áp dụng HĐĐT từ năm 2022	166	82,6% ^b
Số lượng DN chưa áp dụng HĐĐT theo TT78/2021/TT-BTC	32	13,7% ^a

Ghi chú: a: Được tính dựa trên tổng số 233 DNNVV trong mẫu điều tra; b: Được tính dựa trên tổng số 201 DNNVV trong mẫu điều tra đang áp dụng HĐĐT.

Bên cạnh đó, nghiên cứu đã tiếp tục phỏng vấn sâu 201 DN trong tổng số mẫu 233 DNNVV đang sử dụng HĐĐT theo thông tư 78/2021/TT-BTC để trả lời cho câu hỏi “Tại sao các DN lựa chọn việc áp dụng HĐĐT?”. Kết quả đa số các DN (chiếm 86,1%) trả lời là do yêu cầu bắt buộc sử dụng HĐĐT của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ tháng 4/2022). Ngoài ra, các DN cũng đưa ra nguyên nhân chuyển sang áp dụng HĐĐT xuất phát từ các lợi ích thiết thực mà nó đem lại cho DN.

Theo kết quả khảo sát, có 155 DNNVV (chiếm 77,1%) cho rằng lợi ích của HĐĐT là dễ sử dụng, dễ bảo quản và lưu trữ. Tính dễ sử dụng, bảo quản và lưu trữ của HĐĐT được các DNNVV đưa ra là: không lo bị thất lạc hóa đơn trong khi chờ chuyển phát; quá trình phát hành hóa đơn, quản lý hóa đơn, thủ tục kê khai thuế

và tình hình sử dụng hóa đơn đều được đơn giản hóa. Có 47,3% DN trong mẫu điều tra cho rằng HĐĐT có chi phí sử dụng thấp (Hình 3).

Trong các nghiên cứu trước đây, cũng có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng việc sử dụng HĐĐT giúp giảm đến 70% các bước trong quy trình phát hành HĐĐT, tiết kiệm được 80% chi phí tính trên mỗi hóa đơn (cụ thể chi phí liên quan đến giấy in, mực in, lưu trữ và bảo quản so với việc sử dụng hóa đơn giấy), giảm đến 90% các tranh chấp có liên quan đến HĐĐT và đặc biệt làm rút ngắn 99% thời gian thanh toán... (Trần Thị Lan Hương & Trần Thùy Dung, 2021). Đồng quan điểm, tác giả Lê Hà Trang (2021) cũng đề cập, DN sẽ tiết kiệm được thời gian giao nhận và giảm chi phí gửi chuyển phát hóa đơn khi DN chuyển sang áp dụng HĐĐT. Cụ thể, hiện nay các DN chỉ cần mất từ 3-5 giây

là có thể gửi thành công được HĐĐT đến khách hàng, chỉ cần hai bên đều có thiết bị thông minh kết nối internet (Lê Hà Trang, 2021).

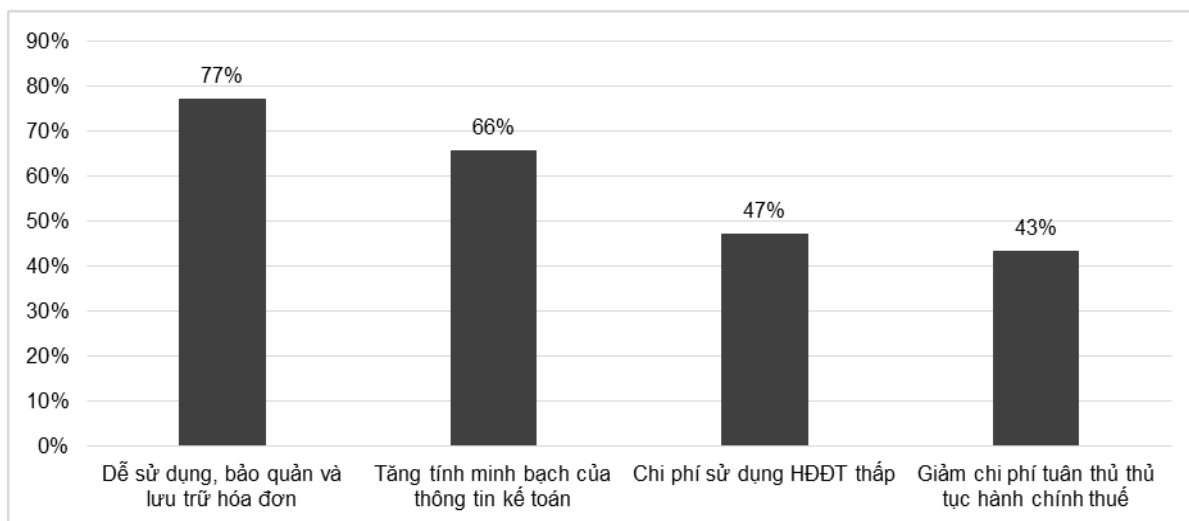
Có 65,7% DNNVV trong mẫu điều tra trên địa bàn tỉnh Hải Dương cho rằng việc sử dụng HĐĐT làm tăng tính minh bạch của thông tin kế toán. Cụ thể, việc sử dụng HĐĐT giúp loại bỏ, ngăn chặn việc làm giả hóa đơn, hoặc sử dụng hóa đơn của các DN bỏ trốn hay mất tích, viết hóa đơn có các liên không giống nhau, đặc biệt còn giúp làm giảm tình trạng gian lận và trốn thuế gây thất thu cho ngân sách nhà nước (Phạm Thị Thu Huyền, 2022).

Về lợi ích “Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế”, các DNNVV đã chỉ ra hiện nay hầu hết các thủ tục hành chính liên quan đến cơ thuế đều được thực hiện qua mạng internet. Cụ thể như, để phát hành được HĐĐT thì DN chỉ cần gửi thông báo về việc sử dụng HĐĐT qua mạng internet đến cơ quan thuế quản lý DN và được cơ quan thuế “chấp nhận”; hoặc việc lập và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng cũng được đơn giản hóa. Đồng thời, DN cũng không phải đăng ký mẫu HĐĐT hay gửi báo cáo tình hình sử dụng HĐĐT đến cơ quan thuế quản lý. Nguyên nhân là do phần mềm phát hành HĐĐT hỗ trợ tự động cập nhật số lượng hóa đơn đã phát hành trong tháng và tự động chuyển số liệu thuế giá trị gia tăng

đầu ra vào tờ khai thuế giá trị gia tăng. Điều này hoàn toàn đồng nhất với quan điểm của nhóm tác giả Trần Thị Lan Hương & Trần Thùy Dung (2021).

Trong 233 DNNVV được khảo sát, có 32 DN chưa áp dụng HĐĐT tại thời điểm tháng 4-5/2022. Lý do giải thích cho tình trạng trên là DN chưa tìm kiếm được nhà cung cấp phần mềm HĐĐT có chất lượng tốt với giá cả phù hợp; DN không, chưa nhận được thông báo yêu cầu chuyển đổi sử dụng HĐĐT từ cơ quan thuế; Hiện nay DN đang trong giai đoạn chuẩn bị máy móc, trang thiết bị... phục vụ cho việc sử dụng HĐĐT và dự kiến sẽ áp dụng vào tháng 7 năm 2022; Hoặc DN không thuộc nhóm bắt buộc phải áp dụng HĐĐT trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2022.

Như vậy, có thể thấy mặc dù việc sử dụng HĐĐT là yêu cầu bắt buộc từ phía Bộ Tài chính, tuy nhiên hầu hết các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều nhận thấy những lợi ích thiết thực từ việc áp dụng này nên số lượng các DNNVV sử dụng HĐĐT trong công tác kế toán trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng. Cụ thể các lợi ích được các DNNVV trong mẫu điều tra đề cập đến gồm: HĐĐT dễ sử dụng, dễ bảo quản và lưu trữ; tăng tính minh bạch của thông tin kế toán; chi phí sử dụng hóa đơn điện tử thấp; giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế.



Ghi chú: Tỷ lệ được tính trên số lượng 201 DNNVV đang sử dụng HĐĐT theo thông tư 78/2021/TT-BTC.

Hình 3. Lợi ích đem lại cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ việc áp dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư 78/2021/TT-BTC (năm 2022)

3.2.2. Các lỗi gặp phải trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử

Để khám phá những lỗi gặp phải trong quá trình sử dụng HĐĐT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương, nghiên cứu đã tập trung khảo sát hai nhóm lỗi sau:

Nhóm 1: Lỗi khi đăng ký sử dụng HĐĐT theo Thông tư 78/2021/TT-BTC, gồm các lỗi cụ thể:

(1.1) Chọn sai hình thức HĐĐT có mã, không có mã của cơ quan thuế; (1.2) Tích chọn vào đối tượng sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền; (1.3) DNNVV không biết tra cứu HĐĐT trên cổng thông tin của Tổng cục Thuế sau khi cơ quan thuế gửi email thông báo tài khoản sử dụng.

Nhóm 2: Lỗi khi xuất HĐĐT, cấp mã của cơ quan thuế, gồm ba lỗi cụ thể sau: (2.1) Tình trạng hiển thị thông tin HĐĐT không đầy đủ hoặc bị chèn, khuất một số chỉ tiêu thông tin; (2.2) Cấp mã từ cơ quan thuế gặp lỗi; (2.3) Hệ thống HĐĐT chưa ổn định. Trước khi sử dụng số liệu định tính trên sử dụng để phân tích, nghiên cứu đã sử dụng kiểm định Cronbach's Alpha để đo lường mức độ tin cậy của thang đo. Kết quả bảng 2 cho thấy, hệ số tương quan biến tổng thể hiện mức độ liên kết giữa một biến quan sát trong nhân tố với các nhân tố còn lại trong mẫu điều tra đều lớn hơn 0,3; hệ số Cronbach's Alpha của cả hai nhóm chỉ tiêu bằng 0,9009 và 0,8817 đều lớn hơn 0,6. Điều này khẳng định các chỉ tiêu đưa vào nghiên cứu đều phù hợp sử dụng để phân tích. Đồng thời, theo kết quả phỏng vấn, hầu hết các DNNVV đang áp dụng HĐĐT đều gặp phải sáu lỗi được liệt kê trong bảng dưới. Trong đó, "Hệ thống HĐĐT chưa ổn định", "Chọn sai hình thức HĐĐT có mã, không có mã của cơ quan thuế", "Cấp mã từ cơ quan thuế gặp lỗi" là những lỗi mà có số lượng nhiều nhất các DNNVV trong mẫu khảo sát từng gặp phải.

Kết quả điều tra chỉ ra, tần suất xảy ra các lỗi trong quá trình áp dụng HĐĐT được chia thành hai nhóm (Hình 4). Nhóm đầu tiên, tần suất xảy ra lỗi ở mức trung bình với lỗi "Cấp mã từ cơ quan thuế gặp lỗi; Hệ thống HĐĐT chưa ổn định điển hình như tốc độ chậm, lầy mã cơ quan thuế chậm, chuẩn dữ liệu chưa tương thích hoàn

toàn với hệ thống của cơ quan thuế, thiếu chức năng tiện ích hỗ trợ người dùng..." tần suất xảy ra cao nhất ở mức trung bình với điểm trung bình theo thang đo Likert lần lượt là 2,73 và 2,9. Điều này hoàn toàn tương đồng với kết quả nghiên cứu của Lê Hà Trang (2021), cụ thể, nhiều DNNVV gặp phải tình trạng đường truyền chậm dẫn đến việc cấp mã của cơ quan thuế cũng bị chậm và gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động bán hàng của họ. Ngoài ra, các DNNVV cũng gặp phải tình trạng lỗi kết nối, không thể tích hợp giữa phần mềm phát hành HĐĐT với nhóm phần mềm bán hàng và phần mềm kế toán.

Nguyên nhân tần suất xảy ra các lỗi này ở mức độ "trung bình" chủ yếu là xuất phát từ hệ thống máy móc và trang thiết bị của DNNVV chưa đồng bộ; số lượng các DN lớn có đủ quy mô và năng lực cung cấp dịch vụ về HĐĐT trên phạm vi rộng còn hạn chế; hạ tầng kỹ thuật như đường truyền Internet chưa đảm bảo. Đồng quan điểm, Lê Hà Trang (2021) cũng cho rằng các vấn đề về hệ thống máy móc và trang thiết bị phục vụ việc vận hành và sử dụng HĐĐT chưa đồng bộ; cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin - viễn thông chưa đáp ứng được yêu cầu là một trong những vấn đề mà các DNNVV đang phải đối mặt. Tương tự, theo Trần Thị Lan Hương & Trần Thùy Dung (2021) tại nước ta số lượng các DNNVV có đủ quy mô và năng lực cung cấp dịch vụ về HĐĐT trên phạm vi rộng còn hạn chế. Đồng thời, hạ tầng kỹ thuật như đường truyền internet chưa đảm bảo gây ảnh hưởng đến quy trình tự động từ khâu khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ, sửa đổi và quản lý HĐĐT tại DNNVV. Chính điều này đã gây lên những lỗi mà các DNNVV gặp phải trong quá trình chuyển sang sử dụng HĐĐT.

Trong khi đó, nhóm thứ hai gồm các lỗi với tần suất xảy ra ở mức "thỉnh thoảng" như "Chọn sai hình thức hóa đơn có mã, không có mã của cơ quan thuế; Tích chọn vào đối tượng sử dụng hóa đơn có mã không phải trả tiền; DN chưa biết tra cứu HĐĐT trên cổng thông tin của Tổng cục Thuế sau khi cơ quan thuế gửi email thông báo tài khoản sử dụng; Thông tin trên HĐĐT hiển thị không đầy đủ hoặc bị chèn, khuất một số chỉ tiêu thông tin". Điều này cũng phần nào

Thực trạng sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nghiên cứu trường hợp trên địa bàn tỉnh Hải Dương

phản ánh trình độ công nghệ thông tin nói chung và công nghệ số của kế toán viên của những DN trong mẫu điều tra đã dần được cải thiện, cơ quan thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho triển khai áp dụng HĐĐT, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ khá tốt cho cán bộ thuế. Vì vậy, mặc dù hầu hết các DNNVV trong mẫu điều tra đều gặp phải các lỗi này nhưng tần suất xảy ra ở mức thấp.

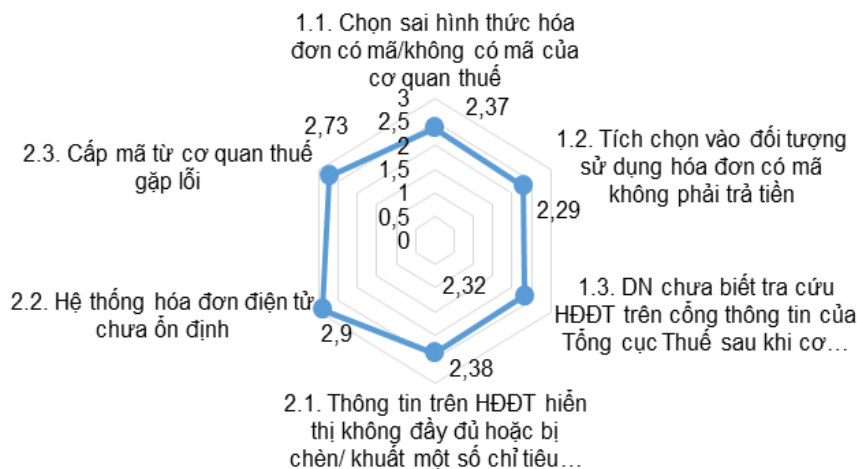
3.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Dựa trên nội dung phân tích tình hình sử dụng HĐĐT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc sử dụng HĐĐT hiệu quả tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh như sau:

Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha và thống kê xảy ra lỗi khi sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hải Dương (năm 2022)

Chỉ tiêu	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach Alpha	Thống kê doanh nghiệp xảy ra lỗi	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nhóm 1: Lỗi khi đăng ký sử dụng HĐĐT theo Thông tư 78/2021/TT-BTC		0,9009		
(1.1) Chọn sai hình thức HĐĐT có mã, không có mã của cơ quan thuế	0,8034	0,8608	183	91,0
(1.2) Tích chọn vào đối tượng sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền	0,8415	0,8314	170	84,6
(1.3) DN không biết tra cứu HĐĐT trên cổng thông tin của Tổng cục Thuế sau khi cơ quan thuế gửi email thông báo tài khoản sử dụng	0,7854	0,8869	151	75,1
Nhóm 2: Lỗi khi xuất HĐĐT, cấp mã của cơ quan thuế		0,8817		
(2.1) Tình trạng hiển thị thông tin HĐĐT không đầy đủ hoặc bị chèn, khuất một số chỉ tiêu thông tin	0,7317	0,8664	159	79,1
(2.2) Hệ thống HĐĐT chưa ổn định	0,7490	0,8525	196	97,5
(2.3) Cấp mã từ cơ quan thuế gặp lỗi	0,8343	0,7757	184	91,5

Ghi chú: *: Được tính trên tổng số 201 DNNVV tại tỉnh Hải Dương đang áp dụng HĐĐT.



Hình 4. Tần suất xảy ra lỗi trong quá trình áp dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Hải Dương (năm 2022)

(i) Khuyến nghị đối với DNNVV: *Thứ nhất*, DN cần nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và phần mềm phát hành HĐĐT cho kế toán bán hàng tại doanh nghiệp thông qua các buổi tập huấn của cơ quan thuế và của các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT. *Thứ hai*, DN nên lựa chọn những nhà cung cấp phần mềm uy tín trên thị trường, có thể dựa vào danh sách các nhà cung cấp phần mềm mà Cục Thuế đã đề xuất. Đồng thời, DN cần đưa ra yêu cầu rõ ràng, chi tiết về giao diện HĐĐT mong muốn phát hành. *Thứ ba*, DN cần đầu tư hệ thống máy vi tính, máy chủ và nâng cấp đường truyền internet đảm bảo cho việc khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ, sửa đổi và quản lý HĐĐT.

(ii) Khuyến nghị đối với tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT: Dựa trên yêu cầu cụ thể của từng DNNVV, các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT cần thiết kế, điều chỉnh lại mẫu HĐĐT. Các đơn vị này cần nâng cấp hệ thống và chức năng tiện ích để hỗ trợ DNNVV tốt hơn trong quá trình sử dụng hoặc cử kỹ thuật viên xuống DNNVV kiểm tra, xử lý trực tiếp các lỗi.

(iii) Khuyến nghị đối với Cục Thuế tỉnh Hải Dương: *Một là*, tiếp tục tổ chức tập huấn sử dụng HĐĐT cho khối DNNVV trên địa bàn tỉnh để tháo gỡ các vướng mắc cho các DN. Bên cạnh đó, cơ quan thuế có thể xem xét đến phương án mở số điện thoại hotline giải đáp thắc mắc liên quan đến HĐĐT, trong một số trường hợp đặc biệt có thể cử cán bộ thuế đến DNNVV để hướng dẫn trực tiếp kế toán viên của DNNVV các quy trình từ cài đặt, khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ, sửa đổi và quản lý lưu trữ HĐĐT. *Hai là*, triển khai áp dụng HĐĐT theo danh sách khách hàng của từng tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT. Điều đó có nghĩa rằng, sau khi tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT nào chuẩn bị điều kiện hạ tầng, kỹ thuật đáp ứng kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công với Tổng cục Thuế thì Cục Thuế Hải Dương sẽ thông báo và đôn đốc các DNNVV đang sử dụng phần mềm HĐĐT của tổ chức đó.

4. KẾT LUẬN

Triển khai ứng dụng HĐĐT tại các cơ sở kinh doanh trên toàn quốc là một trong những hướng đi đúng đắn trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia Việt Nam đến năm 2030. Đây là một trong những phương thức góp phần thúc đẩy các DN tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh vào quá trình quản lý cũng như sản xuất kinh doanh của mình. Theo lộ trình chuyển đổi sử dụng HĐĐT của Bộ Tài chính, các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương bắt buộc triển khai áp dụng HĐĐT từ tháng 4/2022. Qua kết quả khảo sát 233 DNNVV tại tỉnh Hải Dương trong tháng 4-5/2022, bên cạnh những lợi ích đem lại cho đơn vị như: Dễ sử dụng, bảo quản và lưu trữ hóa đơn; Tăng tính minh bạch của thông tin kế toán; Chi phí sử dụng HĐĐT thấp; Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế, thì trong quá trình sử dụng các đơn vị này cũng gặp các lỗi phổ biến gồm: Hệ thống HĐĐT chưa ổn định; Chọn sai hình thức HĐĐT có mã, không có mã của cơ quan thuế; Cấp mã từ cơ quan thuế gặp lỗi. Do vậy, để hạn chế xảy ra lỗi và tăng hiệu quả áp dụng HĐĐT tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương, ngoài việc chủ động từ phía chủ thể DNNVV, thì rất cần sự phối hợp hỗ trợ từ các cơ quan quản lý cấp trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài Chính (2021). Thông tư 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị Định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Cai L. (2014). The Theory and Practice of Electronic Invoice: A New Thinking of E-Commerce Tax Collection and Administration. Beijing: China Financial and Economic Publishing House.
- Catherine M. (2012). Electronic Invoice Authorization - Providing the foundation for an efficient accounts payable department. Credit Control Journal (Incorporating Asset & Risk Review). 33(2&3): 1-6. Retrieved from <https://www.wearev1.com/siteassets/resources/report/v1-invoice-authorization.pdf> on September 13, 2022.

- Chính phủ (2020). Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 Quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Cục Thống kê tỉnh Hải Dương (2021). Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
- Francisco M.Z. & Nestor E.B.C.Jr (2004). *Methods of Research Thesis-Writing and Applied Statistics*. 2nd ed. National Book Store. Mandaluyong City, Philippines.
- Hair J., Black W., Babin B., Anderson R. & Tatham R. (2006). *Multivariate Data Analysis*, 6th ed. Prentice-Hall International, Upper Saddle River, NJ.
- Jamieson S. (2013). Likert Scale. Encyclopaedia Britannica. Retrieved from <https://www.britannica.com/topic/Likert-Scale> on Feb 15, 2023.
- Keifer S. (2011). E-invoicing: The Catalyst for Financial Supply Chain Efficiencies. *Journal of Payments Strategy & Systems*. 5(1): 38-51.
- Lê Hà Trang (2021). Áp dụng hóa đơn điện tử ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Công thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*. 9: 75-80.
- Nunnally J.C. & Bernstein I.H. (1994). The Assessment of Reliability. *Psychometric Theory*. 3: 248-292.
- Phạm Thị Thu Huyền (2022). Một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả sử dụng hóa đơn điện tử trong công tác quản lý tại Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*. 1(1): 328-333.
- Quốc hội (2015). Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Trần Thị Lan Hương & Trần Thùy Dung (2021). Thuận lợi, khó khăn của DN khi sử dụng hóa đơn điện tử. *Tạp chí Tài chính*. 2: 70-72.